

Số: /2024/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng năm 2024

(DỰ THẢO)

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa là vật tư, vật liệu xây dựng chủ yếu thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 tháng 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 ngày 11 tháng 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số /TTr-SXD ngày tháng năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa là vật tư, vật liệu xây dựng chủ yếu thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày....tháng....năm 2024.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM;
- Cổng TTĐT tỉnh, Báo Lạng Sơn, Đài PT-TH tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT(HVTt).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hồ Tiến Thiệu**

(Dự thảo)

**QUY ĐỊNH**

**Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa là vật tư, vật liệu xây dựng chủ yếu thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày .....tháng ..... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa là vật tư, vật liệu xây dựng chủ yếu thực hiện kê khai giá, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Cơ quan tiếp nhận kê khai giá, các tổ chức kinh doanh thực hiện kê khai giá vật tư, vật liệu xây dựng chủ yếu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (không thuộc danh sách các tổ chức kinh doanh thực hiện kê khai giá của các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành); các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tiếp nhận và kê khai giá vật tư, vật liệu xây dựng chủ yếu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa là vật tư, vật liệu xây dựng chủ yếu thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh**

Stt	Chủng loại	Tên gọi	Quy cách, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật
<b>I</b>	<b>ĐÁ XÂY DỰNG</b>				
1	Đá xây dựng	Đá hộc	Kích thước viên $\geq$ (10x20x25) cm	m <sup>3</sup>	TCVN 7572:2006
2	Đá xây dựng	Đá < 5 mm	Kích thước viên < 5 mm	m <sup>3</sup>	QCVN 16:2019/BXD
3	Đá xây dựng	Đá (5 x 10)mm	Kích thước viên (5 $\leq$ và $\leq$ 10) mm	m <sup>3</sup>	QCVN 16:2019/BXD
4	Đá xây dựng	Đá (10 x 20)mm	Kích thước viên (10 < và $\leq$ 20) mm	m <sup>3</sup>	QCVN 16:2019/BXD
5	Đá xây dựng	Đá (20 x 40)mm	Kích thước viên (20 < và $\leq$ 40) mm	m <sup>3</sup>	QCVN 16:2019/BXD
6	Đá xây	Đá (40 x	Kích thước viên (40 < và $\leq$	m <sup>3</sup>	QCVN

	dụng	60)mm	60)mm		16:2019/BX D
7	Đá xây dụng	Đá mặt	Kích thước viên ( $0,075 < \text{và} \leq 40$ )mm	m <sup>3</sup>	TCVN 7572:2006
8	Đá xây dụng	Đá dăm cấp phối loại I	Kích thước viên ( $0,1 < \text{và} \leq 25$ ) mm	m <sup>3</sup>	TCVN 7572:2006
9	Đá xây dụng	Đá dăm cấp phối loại II	Kích thước viên ( $0,1 < \text{và} \leq 40$ ) mm	m <sup>3</sup>	TCVN 7572:2006
<b>II GẠCH XÂY DỰNG</b>					
1	Gạch xây dụng	Gạch bê tông đặc, lỗ	Mác (5 - 15). Kích thước (dài x rộng x cao) $\{(390 \pm 2) \times (80 \div 200) \pm 2\} \times (60 \div 190) \pm 2\}$ mm	viên	TCVN 6477:2016
2	Gạch xây dụng	Gạch bê tông đặc, lỗ	Mác (5 - 15). Kích thước (dài x rộng x cao) $\{(220 \pm 2) \times (105 \pm 2) \times (60 \pm 2)\}$ mm	viên	TCVN 6477:2016
3	Gạch xây dụng	Gạch bê tông đặc, lỗ	Mác (5 - 15). Kích thước n(dài x rộng x cao) $\{(210 \pm 2) \times (100 \pm 2) \times (60 \pm 2)\}$ mm	viên	TCVN 6477:2016
4	Gạch xây dụng	Gạch bê tông đặc, lỗ	Mác (5 - 15). Kích thước (dài x rộng x cao) $\{(200 \pm 2) \times (95 \pm 2) \times (60 \pm 2)\}$ mm	viên	TCVN 6477:2016
5	Gạch xây dụng	Block bê tông khí chung áp (AAC)	Mác (2,5 - 10). Kích thước (dài x rộng x cao) $\leq \{(1,500 \pm 3) \times (1,000 \pm 2) \times (600 \pm 2)\}$ mm.	m <sup>3</sup>	TCVN 7959:2011
<b>III CÁT XÂY DỰNG</b>					
1	Cát xây dụng	Cát mịn	Kích thước hạt (0,7-1)mm	m <sup>3</sup>	TCVN 10796:2015
2	Cát xây dụng	Cát mịn	Kích thước hạt ( $> 1-2$ )mm	m <sup>3</sup>	TCVN 10796:2015
3	Cát xây dụng	Cát thô	Kích thước hạt $> 2$ mm	m <sup>3</sup>	TCVN 7570:2006
<b>IV VỮA, BÊ TÔNG</b>					
1	Vữa, bê tông	Bê tông thương phẩm	Mác (150-400) Mpa	m <sup>3</sup>	TCVN 9340:2012
<b>V CẤU KIỆN BÊ TÔNG ĐÚC SẴN</b>					
1	Cấu kiện bê tông đúc	Ống cống bê tông cốt thép	Đường kính miệng (300- 2000)mm. Chiều dài cống	m	TCVN 9113:2012

	sẵn		L=(1-2)m		
2	Cấu kiện bê tông đúc sẵn	Cột điện chữ H	Trọng lượng (421 - 3.415) kg/cột. Chiều dài cột L=(6,5-20)m	m	TCCS 2:2016/BTT L
3	Cấu kiện bê tông đúc sẵn	Cột bê tông ly tâm PC, nhóm I	Chiều dài (7,5-20)m. Đường kính ngoài đầu cột (160-190)mm. Tải trọng thiết kế (2-14) kN.	m	TCVN 5847:2016
<b>VI VẬT LIỆU HOÀN THIỆN</b>					
1	Vật liệu hoàn thiện	Cửa đi	Kích thước 1 cánh (rộng x cao): ≤ (2 x 2,4)m; chiều dày kính (5-12)mm	m <sup>2</sup>	TCVN 9366:2013
2	Vật liệu hoàn thiện	Cửa sổ	Kích thước 1 cánh (rộng x cao): ≤ (1,6 x 1,8)m; chiều dày kính (5-12)mm	m <sup>2</sup>	TCVN 9366:2013
3	Vật liệu hoàn thiện	Sơn trang trí	Nội, ngoại thất (gồm: sơn lót, sơn bóng)	kg	TCVN 9404:2012
4	Vật liệu hoàn thiện	Sơn bảo vệ	Chống thấm, chống gỉ, chống ăn mòn, chống hà, chịu va đập và chịu mài mòn.	kg	TCVN 9404:2012

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá được quy định tại Quyết định của UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy định quản lý nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Quy định này.

2. Các tổ chức kinh doanh thực hiện kê khai giá vật tư, vật liệu xây dựng chủ yếu trên địa bàn tỉnh có tên trong Danh sách thực hiện kê khai giá do UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành tự quyết định giá hàng hóa, dịch vụ, có trách nhiệm kê khai giá lần đầu và kê khai lại giá sau khi quyết định giá theo quy định và chịu trách nhiệm về mức giá, nội dung kê khai giá của mình.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Cơ quan có thẩm quyền kê khai giá để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.